

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử thành viên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NĐ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử thành viên (sau đây viết tắt là Cổng TTĐT).

Điều 2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (có Cổng TTĐT thành viên), UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Bộ tiêu chí này thực hiện công tác cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình; thực hiện tự đánh giá mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Cổng TTĐT theo Bộ tiêu chí gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 25 hằng tháng để tổng hợp, báo cáo.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên

địa bàn tỉnh (có Công TTĐT thành viên), UBND các huyện, thành phố thực hiện các quy định của Bộ tiêu chí; thực hiện tổng hợp, đánh giá và công bố mức độ cung cấp thông tin cho từng tiêu chí cụ thể của các Công TTĐT thành viên để báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Ban Thi đua khen thưởng tỉnh làm căn cứ đánh giá thi đua thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị thành viên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thành viên Hội đồng biên tập Công TTĐT tỉnh Lào Cai; Ban biên tập Công TTĐT tỉnh Lào Cai và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Công thông tin điện tử thành viên./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 4 QĐ;
- Các Công TTĐT thành viên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, TH1, VX1,4, BBT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thế


**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TRÊN CÁC CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH VIÊN**



kèm theo Quyết định số: 850/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Lào Cai

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM	CÁCH CHẤM ĐIỂM
I	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CUNG CẤP THÔNG TIN	50 điểm	
1	Đối với Công TTĐT thành viên các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	50 điểm	
1.1	Thông tin Giới thiệu: Sơ đồ, Cơ cấu tổ chức, Chức năng – nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc; Quá trình phát triển; Thành tựu nổi bật; Tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ lãnh đạo cơ quan; Địa chỉ, số điện thoại liên hệ cơ quan.	5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Thiếu mục: Trừ 01 điểm/mục - Cập nhật không thường xuyên, thiếu chính xác: Trừ 0,5 điểm/mục
1.2	Tin tức - Sự kiện: Các tin, bài, ảnh hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của cơ quan... (cập nhật 05 ngày làm việc sau khi diễn ra tin tức sự kiện).	5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 1 điểm nếu số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan cập nhật chậm dưới 20% tổng số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan đã cập nhật của từng mục; - Trừ 2 điểm nếu số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan cập nhật chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan đã cập nhật từng mục; - Trừ 3 điểm nếu số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan cập nhật chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan đã cập nhật của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn

			đến liên quan cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số tin, bài, ảnh hoạt động và các vấn đề liên quan đã cập nhập từng mục.
1.3	Văn bản chỉ đạo điều hành: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan... (cập nhập chậm nhất 05 ngày sau khi văn bản được ban hành).	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 2 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm dưới 20% tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục; - Trừ 6 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục; - Trừ 8 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục.
1.4	Báo cáo phát triển ngành: Cập nhật đầy đủ các báo cáo phát triển ngành theo từng tháng, quý, năm. (cập nhật chậm nhất 05 ngày sau khi văn bản được ban hành) <i>Đối với các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Viện Kiểm sát, Thanh tra tỉnh, Công an, Tòa án nhân dân, Cục Thống kê, Cục Hải quan, Cục thuế, Kho bạc căn cứ vào việc cung cấp các thông tin cơ bản (được phép thông tin) để chấm điểm tối đa.</i>	5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 1 điểm nếu số báo cáo cập nhập chậm dưới 20% tổng số báo cáo đã cập nhập của từng mục; - Trừ 2 điểm nếu số báo cáo cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số báo cáo đã cập nhập từng mục; - Trừ 3 điểm nếu số báo cáo cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số báo cáo đã cập nhập của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số báo cáo cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số báo cáo đã cập nhập từng mục.
1.5	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách và pháp luật đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi	5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 1 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm dưới

	<p>quản lý nhà nước, của cơ quan (cập nhật chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi văn bản thông tin được ban hành và chậm nhất trước 1 ngày sau khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành).</p> 	<p>20% tổng số thông tin đã cập nhật của từng mục; - Trừ 2 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số thông tin đã cập nhật từng mục; - Trừ 3 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số thông tin đã cập nhật của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 60% trở lên so với tổng số thông tin đã cập nhật từng mục.</p>
1.6	<p>Thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tại địa phương; kết quả thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực... (cập nhật chậm nhất 8 ngày sau khi văn bản được ban hành).</p>	<p>10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 2 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm dưới 20% tổng số thông tin đã cập nhật của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số thông tin đã cập nhật từng mục; - Trừ 6 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số thông tin đã cập nhật của từng mục; - Trừ 8 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 60% trở lên so với tổng số thông tin đã cập nhật từng mục.
1.7	<p>Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công gồm: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, dự án đang triển khai, dự án đã hoàn tất (cập nhật chậm nhất 8 ngày sau khi văn bản được ban hành).</p>	<p>10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 2 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm dưới 20% tổng số thông tin đã cập nhật của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số thông tin đã cập nhật từng mục; - Trừ 6 điểm nếu số thông tin cập nhật chậm từ 40%

			<p>đến dưới 60% so với tổng số thông tin đã cập nhập của từng mục;</p> <p>- Trừ 8 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số thông tin đã cập nhập từng mục.</p>
2	Đối với Công TTĐT thành viên các huyện, thành phố	50 điểm	
2.1	Giới thiệu: Bộ máy tổ chức hành chính, Bản đồ địa giới hành chính, Tiềm năng và thế mạnh của địa phương (điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh lam, thắng cảnh), Tóm tắt tiểu sử và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo địa phương (cập nhật kịp thời), Thông tin liên hệ.	5 điểm	<p>- Không cập nhật: Không chấm điểm</p> <p>- Cập nhật chậm, chưa chính xác thông tin lãnh đạo: Trừ 1 điểm/lần</p>
2.2	Tin tức – Sự kiện: Các tin, bài, ảnh về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương. (Cập nhập 05 ngày làm việc sau khi diễn ra tin tức sự kiện).	5 điểm	- Không cập nhật: Không chấm điểm
2.3	Văn bản chỉ đạo điều hành: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND huyện, thành phố đã được thống nhất và ban hành bằng văn bản; các báo cáo phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 06 tháng, một năm (cập nhật chậm nhất 03 ngày sau khi văn bản được ban hành).	10 điểm	<p>- Không cập nhật: Không chấm điểm</p> <p>- Trừ 2 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm dưới 20% tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục;</p> <p>- Trừ 4 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục;</p> <p>- Trừ 6 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục;</p> <p>- Trừ 8 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục.</p>
2.4	Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gồm: + Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi đầu tư + Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy	10 điểm	<p>- Không cập nhật: Không chấm điểm</p> <p>- Trừ 2 điểm nếu số nội dung cập nhập chậm dưới 20% tổng số nội dung đã cập nhập của từng mục;</p>

	hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tài nguyên thiên nhiên + Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải + Kết quả thực hiện các nội dung trên (Cập nhật chậm nhất 5 ngày sau khi văn bản được ban hành)		<ul style="list-style-type: none"> - Trừ 4 điểm nếu số nội dung cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số nội dung đã cập nhập từng mục; - Trừ 6 điểm nếu số nội dung cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số nội dung đã cập nhập của từng mục; - Trừ 8 điểm nếu số nội dung cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số nội dung đã cập nhập từng mục.
2.5	Chương trình, nghị quyết, đề án trọng tâm của địa phương theo từng giai đoạn (05 năm, 10 năm ...); Kết quả thực hiện (cập nhật chậm nhất 10 ngày sau khi văn bản được ban hành).	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 2 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm dưới 20% tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục; - Trừ 6 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số văn bản đã cập nhập của từng mục; - Trừ 8 điểm nếu số văn bản cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số văn bản đã cập nhập từng mục.
2.6	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách và pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương	5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 1 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm dưới 20% tổng số thông tin đã cập nhập của từng mục; - Trừ 2 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số thông tin đã cập nhập từng mục; - Trừ 3 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số thông tin đã cập nhập của

			từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số thông tin đã cập nhập từng mục.
2.7	Cập nhật đầy đủ danh bạ điện tử của đơn vị; thông tin giao dịch của cơ quan: Địa chỉ, số điện thoại, số fax, thư điện tử giao dịch.	5 điểm	- Không cập nhật: Không chấm điểm - Trừ 1 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm dưới 20% tổng số thông tin đã cập nhập của từng mục; - Trừ 2 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 20% đến dưới 40% so với tổng số thông tin đã cập nhập từng mục; - Trừ 3 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 40% đến dưới 60% so với tổng số thông tin đã cập nhập của từng mục; - Trừ 4 điểm nếu số thông tin cập nhập chậm từ 60% trở lên so với tổng số thông tin đã cập nhập từng mục.
II	ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	40 điểm	
1	Chuyên mục Hỏi – Đáp	15 điểm	
	Trả lời đầy đủ các câu hỏi (đúng thời gian, đảm bảo chất lượng, đúng chức danh người trả lời)	15 điểm	Điểm chấm = (tổng số câu trả lời/tổng số câu hỏi) x 15
1.1	Trả lời câu hỏi đúng thời gian <i>* Thời gian trả lời trên chuyên mục Hỏi - Đáp thực hiện theo quy định sau:</i> - Năm (05) ngày đối với các câu hỏi thuộc thẩm quyền giải quyết; - Tám (08) ngày đối với những câu hỏi cần sự phối hợp liên ngành; - Trường hợp đặc biệt thì phải hẹn trả lời nhưng tối đa không quá mười (10) ngày. Thời điểm để xác định thời gian trả lời được	5 điểm	- Cứ 20%/tổng số câu trả lời không đúng thời gian quy định trừ 1 điểm. - Xóa câu hỏi không vi phạm quy chế (trừ các câu trùng lặp cùng một người hỏi) trừ 1 điểm/câu.

	<i>tính từ 08h00' của ngày làm việc (không tính ngày nghỉ lễ, tết).</i>		
1.2	Trả lời câu hỏi chặt chẽ, đầy đủ, trung thực Nội dung trả lời chặt chẽ, đầy đủ, trung thực , đúng trọng tâm câu hỏi; ghi chính xác số ngày, tháng, năm, tên cơ quan ban hành và căn cứ pháp luật được sử dụng (nếu có) để trả lời	5 điểm	- Cứ 20%/tổng số các câu trả lời không đúng nội dung hỏi trừ 1 điểm.
1.3	Trả lời câu hỏi đúng chức danh	5 điểm	- Cứ 20%/tổng số các câu trả lời không đúng chức danh trừ 1 điểm.
1.4	Trường hợp các đơn vị không nhận được câu hỏi	15 điểm	- Không cộng điểm khuyến khích
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	25 điểm	
2.1	Cập nhật đầy đủ, bổ sung kịp thời các bộ thủ tục hành chính công (mức 1, mức 2, mức 3 và mức 4) khi có sự thay đổi hoặc chỉnh sửa	5 điểm	- Không cập nhật: Không chấm điểm - Cập nhật thiếu, cứ 20%/tổng số bộ thủ tục trừ 1 điểm - Chỉnh sửa, bổ sung chậm khi có sự thay đổi (từ 15 đến 20 ngày sau khi ban hành), cứ 20%/tổng số bộ thủ tục trừ 1 điểm. - Không chỉnh sửa khi có sự thay đổi: Cứ 20%/tổng số bộ thủ tục trừ 1 điểm.
2.3	Giải quyết đúng thời hạn trên 90% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	20 điểm	
2.3	Giải quyết đúng thời hạn từ 75 – 89% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	15 điểm	
2.4	Giải quyết đúng thời hạn từ 60 – 75% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	12 điểm	
2.5	Giải quyết đúng thời hạn từ 50 – 60% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	8 điểm	
2.6	Giải quyết dưới 50% bộ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	5 điểm	

2.7	Trường hợp không nhận được hồ sơ thủ tục hành chính của công dân hoặc đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến	25 điểm	
2.8	Trường hợp đơn vị đã triển khai nhưng không thực hiện	-20 điểm	
III	ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH	10 điểm	
1	Đảm bảo font chữ theo quy định (Font:Arial; size: 13)	3 điểm	
2	Có ảnh minh họa, trình bày đẹp	3 điểm	
3	Công thành viên thực hiện tốt nhất chuyên mục Hỏi – Đáp	2 điểm	
4	Công thành viên thực hiện tốt nhất dịch vụ công trực tuyến	2 điểm	
	Tổng cộng I+II+III	100 điểm	

Xếp loại:

Đối với các Công thành viên đã triển khai Dịch vụ công trực tuyến

Tốt: Đạt 85 điểm đến 100 điểm
Khá: Đạt từ 70 điểm đến 84 điểm
Trung bình: Đạt từ 55 điểm đến 69 điểm
Kém: Dưới 55 điểm

Đối với các Công thành viên không có chức năng, nhiệm vụ hoặc cung cấp theo ngành dọc Dịch vụ công trực tuyến

Tốt: Đạt 70 điểm đến 80 điểm
Khá: Đạt từ 60 điểm đến 69 điểm
Trung bình: Đạt từ 50 điểm đến 59 điểm
Kém: Dưới 50 điểm